

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 20

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tài nguyên (“Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Gia Long	Chủ tịch
Ông Trương Sơn Hiền	Thành viên
Ông Nguyễn Bá Huân	Thành viên
Ông Đoàn Văn Tú	Thành viên
Ông Nguyễn Gia Minh	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Gia Long	Tổng Giám đốc (Đến ngày 14 tháng 02 năm 2011)
Ông Trương Sơn Hiền	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 14 tháng 02 năm 2011)
	Phó Tổng Giám đốc (Đến ngày 14 tháng 02 năm 2011)
Ông Phan Thành Đức	Phó Tổng Giám đốc (Đến ngày 15 tháng 02 năm 2011)
Ông Nguyễn Bá Huân	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đoàn Năng Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Tuấn Hoàng	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Trương Sơn Hiền

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 11 tháng 08 năm 2011

Số: 2422/2011/BCSX-IFC

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011
của Công ty Cổ phần Tài nguyên

Kính gửi: **Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Tài nguyên

Chúng tôi đã tiến hành soát xét Bảng Cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2011 cùng với Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Tài nguyên (sau đây gọi tắt là “Công ty”) cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011 được lập ngày 18 tháng 07 năm 2011 từ trang 4 đến trang 20 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 2, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra nhận xét về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc soát xét.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công tác soát xét để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động 6 tháng đầu năm 2011 kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Khúc Đình Dũng
Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0748/KTV
Hà Nội, ngày 11 tháng 08 năm 2011

Nguyễn Thế Mạnh
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0032/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

MẪU B 01-DN
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2011	01/01/2011
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		25.028.853.613	45.597.616.648
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		5.235.871.819	3.243.143.398
1. Tiền	111	5.1	5.235.871.819	3.243.143.398
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		14.705.960.000	28.081.261.500
1. Phải thu khách hàng	131		12.600.000.000	12.600.000.000
2. Trả trước cho người bán	132		935.960.000	481.261.500
5. Các khoản phải thu khác	135	5.2	1.170.000.000	15.000.000.000
IV. Hàng tồn kho	140		809.783.636	60.000.000
1. Hàng tồn kho	141	5.3	809.783.636	60.000.000
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.277.238.158	14.213.211.750
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		223.746.216	213.211.750
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		51.564.130	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		827.812	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.4	4.001.100.000	14.000.000.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		107.069.041.116	76.646.573.957
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		1.648.515.042	1.779.286.776
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.5	1.478.235.269	1.645.293.533
- Nguyên giá	222		1.853.727.779	1.853.727.779
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(375.492.510)	(208.434.246)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.6	62.536.530	26.250.000
- Nguyên giá	228		74.365.000	27.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(11.828.470)	(750.000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		107.743.243	107.743.243
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		105.142.517.036	74.490.187.036
1. Đầu tư vào công ty con	251	5.7	61.172.517.036	37.475.287.036
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	5.8	43.770.000.000	36.814.900.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		200.000.000	200.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		278.009.038	377.100.145
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		278.009.038	377.100.145
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		132.097.894.729	122.244.190.605

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

Mẫu B 01-DN

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2011	01/01/2011
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		29.044.396.084	16.665.433.882
I. Nợ ngắn hạn	310		27.847.153.084	15.218.938.882
2. Phải trả người bán	312		-	72.000.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.9	13.692.926	5.146.938.882
5. Phải trả người lao động	315		148.360.158	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.10	27.685.100.000	10.000.000.000
II. Nợ dài hạn	330		1.197.243.000	1.446.495.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.11	1.197.243.000	1.446.495.000
B. NGUỒN VỐN	400		103.053.498.645	105.578.756.723
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.12	103.053.498.645	105.578.756.723
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		85.000.000.000	85.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.165.000.000	2.165.000.000
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		15.888.498.645	18.413.756.723
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		132.097.894.729	122.244.190.605

Trương Sơn Hiền
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2011

Chu Thị Thanh Vân
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

Mẫu B 02-DN
Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	270.000.000	10.267.186.909
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		270.000.000	10.267.186.909
4. Giá vốn hàng bán	11		270.000.000	135.000.000
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		-	10.132.186.909
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.2	1.326.755	810.900.290
7. Chi phí tài chính	22		137.737.102	70.197.590
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		137.737.102	70.197.590
8. Chi phí bán hàng	24		-	27.192.000
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.3	2.223.366.935	1.338.603.047
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(2.359.777.282)	9.507.094.562
11. Thu nhập khác	31		28.671.200	405.634
12. Chi phí khác	32		194.151.996	1.281.540
13. Lợi nhuận khác	40		(165.480.796)	(875.906)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(2.525.258.078)	9.506.218.656
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.4	-	2.376.874.664
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	51		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(2.525.258.078)	7.129.343.992
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		(297)	839

Trương Sơn Hiền
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2011

Chu Thị Thanh Vân
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

Mẫu B 03-DN
Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và DT khác	01	293.700.000	14.379.278.094
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(1.325.068.035)	(1.119.625.500)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(950.029.589)	(308.341.850)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(137.737.102)	(70.197.590)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(4.911.573.793)	(322.604.500)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	31.785.644.133	4.863.045.263
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07	(6.861.951.948)	(3.372.260.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	17.892.983.666	14.049.293.417
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	-	(53.890.909)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24	15.000.000.000	11.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(30.652.330.000)	(15.922.656.000)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.326.755	713.122.512
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(15.651.003.245)	(4.263.424.397)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	5.000.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(249.252.000)	(5.160.002.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(249.252.000)	(160.002.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	1.992.728.421	9.625.867.020
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	3.243.143.398	9.721.485.818
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5.235.871.819	19.347.352.838

Trương Sơn Hiền
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2011

Chu Thị Thanh Vân
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN

Số 61 ngõ 562 đường Láng, Phường Láng Hạ,
Quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động
từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B09 - DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tài Nguyên là Công ty được chuyển đổi từ Công ty TNHH Tư vấn và Đầu tư Tài Nguyên theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần lần đầu số 0103018230 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 02 tháng 07 năm 2007.

Hiện nay, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần đăng ký thay đổi lần 10 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 17 tháng 02 năm 2011. Vốn điều lệ của Công ty là 85.000.000.000 đồng (Tám mươi lăm tỷ đồng), tương ứng với 8.500.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 VND/1cổ phần.

Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103018230 đăng ký thay đổi lần thứ 10 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 17 tháng 02 năm 2011, ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Tư vấn đầu tư (không bao gồm dịch vụ tư vấn pháp luật và tư vấn tài chính);
- Môi giới, xúc tiến thương mại;
- San lấp mặt bằng các công trình xây dựng;
- Thi công xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp;
- Vận tải hàng hoá, vận chuyển hành khách;
- Lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế và các dịch vụ du lịch khác (không bao gồm kinh doanh phòng hát Karaoke, quán Bar, vũ trường);
- Môi giới bất động sản, dịch vụ nhà đất;
- Kinh doanh bất động sản;
- Khai thác, chế biến và kinh doanh khoáng sản (trừ khoáng sản Nhà nước cấm);
- Kinh doanh các dịch vụ về môi trường;
- Kinh doanh dịch vụ ăn uống, giải khát (không bao gồm kinh doanh phòng hát Karaoke, quán Bar, vũ trường);
- Tư vấn lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Tư vấn, giới thiệu việc làm trong nước (trừ các hoạt động môi giới, xuất khẩu lao động và tuyển dụng cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động);
- Đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về môi giới bất động sản, định giá bất động sản và quản lý điều hành sàn giao dịch bất động sản; Đào tạo tin học văn phòng; Đào tạo ngoại ngữ: Tiếng Anh, tiếng Trung Quốc, tiếng Nhật; tiếng Hàn Quốc (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Kinh doanh siêu thị, trung tâm thương mại; và
- Kinh doanh dịch vụ bất động sản (dịch vụ sàn giao dịch bất động sản, dịch vụ tư vấn bất động sản, dịch vụ đấu giá bất động sản, dịch vụ quảng cáo bất động sản, dịch vụ quản lý bất động sản).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi của Công ty được trích lập theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07/12/2009. Theo đó, Công ty được phép lập dự phòng khoản phải thu khó đòi cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN

Số 61 ngõ 562 đường Láng, Phường Láng Hạ,
Quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động
từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá hàng xuất kho được xác định theo phương pháp giá bình quân gia quyền.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Phương tiện vận tải

Thiết bị dụng cụ quản lý

Số năm

6-7

3

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ. Các chi phí này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

Ghi nhận doanh thu và chi phí

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tiền mặt	5.198.946.135	1.788.362.679
Tiền gửi ngân hàng	36.925.684	1.454.780.719
Cộng	5.235.871.819	3.243.143.398

5.2 Các khoản phải thu khác

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Cho vay	-	15.000.000.000
Phải thu khác	1.170.000.000	-
Cộng	1.170.000.000	15.000.000.000

5.3 Hàng tồn kho

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Chi phí SXKD dở dang	809.783.636	60.000.000
Cộng giá gốc hàng tồn kho	809.783.636	60.000.000

5.4 Tài sản ngắn hạn khác

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tạm ứng	4.001.100.000	14.000.000.000
Cộng	4.001.100.000	14.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

5.5 Tài sản cố định hữu hình

	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2011	1.702.756.393	150.971.386	1.853.727.779
Tại ngày 30/06/2011	1.702.756.393	150.971.386	1.853.727.779
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2011	134.556.553	73.877.693	208.434.246
Khấu hao trong kỳ	141.896.370	25.161.894	167.058.264
Tại ngày 30/06/2011	276.452.923	99.039.587	375.492.510
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2011	1.568.199.840	77.093.693	1.645.293.533
Tại ngày 30/06/2011	1.426.303.470	51.931.799	1.478.235.269

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011, giá trị còn lại của tài sản cố định dùng để thế chấp cho các khoản vay là 1.416.174.768 đồng.

5.6 Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2011	27.000.000	27.000.000
Mua trong kỳ	47.365.000	47.365.000
Tại ngày 30/06/2011	74.365.000	74.365.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày 01/01/2011	750.000	750.000
Khấu hao trong kỳ	11.078.470	11.078.470
Tại ngày 30/06/2011	11.828.470	11.828.470
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2011	26.250.000	26.250.000
Tại ngày 30/06/2011	62.536.530	62.536.530

5.7 Đầu tư vào công ty con

Chi tiết số dư các khoản đầu tư vào công ty con như sau:

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Đầu tư vào Công ty TNHH Tài nguyên và Khoáng sản Hà Nội - Điện Biên	31.915.517.036	31.915.517.036
Đầu tư vào Công ty Cổ phần sản Bất động sản Tài Nguyên	3.380.000.000	3.682.770.000
Đầu tư vào Công ty Cổ phần Bất động sản Tài nguyên Hà Nội	25.877.000.000	1.877.000.000
Cộng	61.172.517.036	37.475.287.036

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2011 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (%)	Hoạt động chính
- Công ty TNHH Tài nguyên và Khoáng sản Hà Nội - Điện Biên (*)	Điện Biên	100	100	Khai thác khoáng sản
- Công ty Cổ phần sản bất động sản Tài Nguyên (**)	Hà Nội	52	52	Kinh doanh dịch vụ bất động sản
- Công ty Cổ phần Bất động sản Tài nguyên Hà Nội (***)	Hà Nội	93,60	93,60	Xây dựng nhà các loại; bán xi măng, sắt thép

(*) Theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế Công ty TNHH Một thành viên số 5600185270 thay đổi lần thứ nhất ngày 05 tháng 08 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Điện Biên cấp, vốn điều lệ của Công ty này là 10.000.000.000 đồng. Đến thời điểm 30 tháng 06 năm 2011, Công ty Cổ phần Tài Nguyên đã góp 31.915.517.036 đồng. Tuy nhiên, đến thời điểm kiểm toán, Công ty chưa hoàn thiện thủ tục để thay đổi đăng ký kinh doanh.

(**) Công ty Cổ phần Sản Bất động sản Tài Nguyên được thành lập ngày 28 tháng 05 năm 2009, có tổng vốn điều lệ đăng ký là 6.500.000.000 đồng. Tuy nhiên, đến thời điểm 30 tháng 06 năm 2011, Công ty Cổ phần Tài Nguyên đã góp 3.380.000.000 đồng.

(***) Theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần Bất động sản Tài Nguyên Hà Nội số 0104562719 thay đổi lần thứ bốn ngày 16 tháng 03 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, vốn điều lệ của Công ty bằng vốn pháp định là 30.000.000.000 đồng. Đến thời điểm 30 tháng 06 năm 2011, các cổ đông còn lại mới góp được 170.000.000 đồng (tương đương với 8,85%).

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊNSố 61 ngõ 562 đường Láng, Phường Láng Hạ,
Quận Đống Đa, Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho kỳ hoạt động
từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU SỐ B09 - DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***5.8 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh**

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
- Đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Tài nguyên Đất Việt (*)	13.500.000.000	13.500.000.000
- Góp vốn liên doanh dự án Khu nhà ở, dịch vụ thương mại và văn phòng làm việc tại Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội (**)	22.670.000.000	20.870.000.000
- Đầu tư vào Công ty Cổ phần Phú Hà Hòa Bình (***)	7.600.000.000	2.444.900.000
Cộng	43.770.000.000	36.814.900.000

(*) Công ty Cổ phần Đầu tư Tài nguyên Đất Việt được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103023482 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp lần đầu ngày 02 tháng 04 năm 2008, thay đổi lần 1 ngày 16 tháng 09 năm 2009. Vốn điều lệ là 15 tỷ đồng. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Tài nguyên Đất Việt là thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản. Tỷ lệ phần sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Tài Nguyên trong Công ty Cổ phần Đầu tư Tài nguyên Đất Việt là 30%.

(**) Đây là khoản góp vốn theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 18/2009/HĐHTKD ngày 25 tháng 05 năm 2009 về việc hợp tác đầu tư, quản lý, khai thác và kinh doanh dự án khu nhà ở, dịch vụ thương mại và văn phòng làm việc tại Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội. Theo hợp đồng hợp tác kinh doanh này, Công ty Cổ phần Tài Nguyên cùng với 3 đối tác khác sẽ cùng góp vốn và quản lý dự án nêu trên. Tỷ lệ vốn góp của mỗi đối tác là 25%. Lợi nhuận (hoặc lỗ) được phân chia theo tỷ lệ vốn góp.

(***) Công ty Cổ phần Phú Hà - Hòa Bình được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5400340634 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hòa Bình cấp ngày 29/01/2010. Đăng ký thay đổi lần 4 ngày 30/12/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hòa Bình cấp. Vốn điều lệ của Công ty là 20.000.000.000 đồng. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Phú Hà - Hòa Bình là khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét. Tỷ lệ phần sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Tài Nguyên trong Công ty Cổ phần Phú Hà - Hòa Bình là 38%.

5.9 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	206.685.482
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	4.910.745.981
Thuế thu nhập cá nhân	13.692.926	1.573.586
Thuế tài nguyên	-	9.008.700
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	18.925.133
Cộng	13.692.926	5.146.938.882

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN

Số 61 ngõ 562 đường Láng, Phường Láng Hạ,

Quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động

từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***5.10 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	22.600.000.000	10.000.000.000
Phải trả khác	5.085.100.000	-
Cộng	27.685.100.000	10.000.000.000

5.11 Vay và nợ dài hạn

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Vay Ngân hàng TMCP Hàng Hải (*)	285.000.000	330.000.000
Vay Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (**)	287.493.000	402.495.000
Vay Ngân hàng TMCP Quốc Tế-Trung Hòa (***)	624.750.000	714.000.000
Cộng	1.197.243.000	1.446.495.000

(*) Đây là khoản vay Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam (MSB) theo Hợp đồng số 1/SGD-PGDĐT-CC/BD ngày 03 tháng 08 năm 2009, với số tiền vay là 450.000.000 đồng. Mục đích là để mua xe ô tô Innova. Thời gian vay là 60 tháng. Lãi suất của khoản vay này được tính bằng lãi suất huy động tiết kiệm 12 tháng của Ngân hàng TMCP Hàng hải cộng (+) với 4%/năm. Nợ gốc được trả 01 tháng/lần. Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay.

(**) Đây là khoản vay Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (SeaBank) theo Hợp đồng số 15.200909.03/HĐTD ngày 23 tháng 09 năm 2009, với số tiền vay là 690.000.000 đồng. Mục đích là để thanh toán một phần tiền mua xe ô tô Kamaz. Thời gian vay là 36 tháng. Lãi suất của khoản vay này được xác định tại thời điểm giải ngân là 0,875%/tháng và được điều chỉnh theo thông báo của SeaBank trong từng thời kỳ. Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay.

(***) Đây là khoản vay Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam-Chi nhánh Hà Nội theo Hợp đồng số 10.11.10.16 ngày 24 tháng 12 năm 2010, với số tiền vay là 714.000.000 đồng. Mục đích là để thanh toán một phần tiền mua xe ô tô Camry. Thời gian vay là 48 tháng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên. Lãi suất của khoản vay này được xác định tại thời điểm giải ngân là 19%/năm, áp dụng theo lãi suất thả nổi điều chỉnh 3 tháng/lần, bằng lãi suất điều chuyển vốn kinh doanh VND kỳ hạn 3 tháng của VIB công (+) 5%/năm, chịu sự điều chỉnh theo chính sách lãi suất của VIB tại mỗi thời kỳ. Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay.

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Trong vòng 1 năm	498.504.000	442.665.800
Trong năm thứ 2	325.989.000	442.665.800
Từ năm thứ 3 đến năm thứ 5	372.750.000	561.163.400
Cộng	1.197.243.000	1.446.495.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN
Số 61 ngõ 562 đường Láng, Phường Láng Hạ,
Quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động
từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

5.12 Vốn chủ sở hữu

a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2010	85.000.000.000	2.165.000.000	1.965.446.847	89.130.446.847
Lợi nhuận năm trước	-	-	16.448.309.876	16.448.309.876
Số dư cuối năm trước	85.000.000.000	2.165.000.000	18.413.756.723	105.578.756.723
Số dư đầu kỳ này				
Lãi trong kỳ	-	-	(2.525.258.078)	(2.525.258.078)
Số dư cuối kỳ	85.000.000.000	2.165.000.000	15.888.498.645	103.053.498.645

b. Cổ phiếu

	30/06/2011 Cổ phần	01/01/2011 Cổ phần
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.500.000	8.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.500.000	8.500.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>8.500.000</i>	<i>8.500.000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.500.000	8.500.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>8.500.000</i>	<i>8.500.000</i>

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phần

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	270.000.000	10.267.186.909
Trong đó:		
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	270.000.000	10.267.186.909

6.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.326.755	810.900.290
Cộng	1.326.755	810.900.290

6.3 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.145.218.887	390.373.230
Chi phí đồ dùng văn phòng	48.155.091	269.791.759
Chi phí khấu hao tài sản cố định	178.136.734	66.006.056
Thuế, phí và lệ phí	49.124.227	40.416.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	714.725.433	554.264.914
Chi phí khác bằng tiền	88.006.563	17.751.088
Cộng	2.223.366.935	1.338.603.047

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

6.4 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
Lợi nhuận trước thuế	(2.525.258.078)	9.506.218.656
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: thu nhập không chịu thuế	-	-
Cộng: các khoản chi phí không được trừ	194.151.996	1.280.000
Thu nhập chịu thuế	(2.331.106.082)	9.507.498.656
Thuế suất	25%	25%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	2.376.874.664

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Thông tin các bên liên quan

Trong năm, Công ty đã có giao dịch với các bên có liên quan:

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
Đầu tư vào Công ty TNHH Tài Nguyên và Khoáng sản Hà Nội - Điện Biên	-	8.843.638.571
Đầu tư vào Công ty Cổ phần Sản Bất động sản Tài Nguyên	-	310.000.000
Đầu tư vào Công ty Cổ phần Bất động sản Tài Nguyên Hà Nội	24.000.000.000	-
Đầu tư vào Công ty Cổ phần Phú Hà Hòa Bình	5.155.100.000	4.400.000.000
Đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư khoáng sản dầu khí Điện Biên	-	200.000.000
Góp vốn liên doanh dự án Khu nhà ở, dịch vụ thương mại và văn phòng làm việc tại Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội	1.800.000.000	3.000.000.000
Doanh thu cho thuê Văn phòng		
- Công ty CP sản Bất động sản tài nguyên	130.000.000	-
- Công ty BDS tài nguyên Hà Nội	80.000.000	-

Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
Lương, thưởng	462.000.000	89.792.000
	462.000.000	89.792.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN

Số 61 ngõ 562 đường Láng, Phường Láng Hạ,
Quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động
từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

7.2 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh cho Bảng Cân đối kế toán là số liệu tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh cho Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ là các số liệu trên Báo cáo tài chính cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010 đã được soát xét.

Trương Sơn Hiền
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2011

Chu Thị Thanh Vân
Kế toán trưởng